TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI** Bản án số: 87/2022/DS-ST Ngày: 27-12-2022 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

Ông Nguyễn Tiến Bộ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 73/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, có mặt.

Nơi cư trú: đội 10, thôn Đ, xã L, huyện M, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: bà Đinh Thị T, sinh năm 1969, vắng mặt.

Nơi cư trú: đội 2, thôn Đ, xã L, huyện M, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông H trình bày:

Ngày 29/5/2021 ông H có cho bà Đinh Thị T, sinh năm 1969 ở đội 2, thôn Lê Xá, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức vay số tiền là 40.000.000 đồng với mục đích dùngvào việc cá nhân. Lãi suất thỏa thuận miệng giữa 02 bên là 1.000.000đ/tháng trên số tiền 40.000.000đ. Thời hạn vay ghi trong giấy vay tiền là 01 năm. Bà T đã thanh toán đủ cho ông H số tiền lãi hàng tháng đến hết tháng 10/2021. Khi trả lãi

hàng tháng thì Bà T trực tiếp đưa cho ông H, hai bên không có ký tá giấy tờ gì về việc trả lãi cả, không có ai chứng kiến. Từ tháng 11/2021 đến nay Bà T không tiền lãi và đến hết thời hạn 01 năm (từ 29/5/2021- 29/5/2022) kể từ ngày vay, Bà T cũng không trả gốc mặc dù, ông H đòi tiền nhiều lần, Bà T vẫn cố tình không trả.

Nay ông H có yêu cầu khởi kiện buộc Bà T phải thanh toán cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2022 tổng là 13 tháng với lãi suất là 20%/năm = 40.000.000 đồng x 1,67% x 13 tháng = 8.684.000 đồng.

Ông H trình bày: Số tiền cho Bà T vay là tiền cá nhân của ông H, không liên quan đến bất kì ai trong gia đình, khi cho vay thì gia đình ông H cũng không ai biết việc cho vay.

Phía bị đơn: Bà Đinh Thị T trình bày: Do cần tiền dùng vào việc cá nhân nên ngày 29/5/2021, bà có vay số tiền 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 trú tại đội 10, thôn Đức Thụ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Khi vay tiền, giữa tôi và ông H có kí kết giấy tờ, thời hạn vay là 1 năm. Lãi suất thỏa thuận miệng giữa hai bên là 2 triệu đồng/tháng. Khi vay tiền và nhận tiền thì bên phía cho vay chỉ có ông H, còn phía bên vay thì chỉ có Bà T, ngoài ra có sự chứng kiến của em chồng Bà T là bà Phạm Thị Hương, sinh năm 1970 địa chỉ: đội 10, thôn Đức Thụ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội. Bà T xác nhận đã nhận đủ số tiền 40 triệu đồng vay của ông H. Việc vay tiền của ông H là của cá nhân Bà T, không liên quan đến bất kì ai khác.

Hàng tháng Bà T đều trả lãi cho ông H đầy đủ số tiền là 2 triệu đồng, chỉ có tháng 11 năm 2022 ông H khủng bố tinh thần cá nhân về tình dục nên Bà T tức không trả tiền lãi cho ông H (việc khủng bố về tình dục không có ai biết). Khi trả tiền lãi thì Bà T chỉ đưa tay mà không kí kết giấy tờ gì, khi trả tiền lãi thì chỉ có Bà T và ông H ngoài ra không có ai chứng kiến.

Từ cuối tháng 9 năm 2022 thì giữa Bà T và ông H có xảy ra xích mích nên ông H đã gửi giấy về nhà Bà T, có nói cho em chồng và bố mẹ đẻ Bà T và yêu cầu tôi phải trả số tiền nợ gốc là 40 triệu đồng và lãi. Quan điểm của Bà T đồng ý trả số tiền nợ gốc là 40 triệu đồng nhưng hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên Bà T xin được trả dần mỗi năm là 6 triệu đồng, còn tiền nợ lãi thì bà đã trả đầy đủ, có riêng tháng 11 năm 2022 là chưa trả vì có lí do xích mích. Đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của Bà T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ông H có yêu cầu trả Bà T trả đủ gốc 40.000.000 đồng, Về lãi ông chỉ thừa nhận cho vay với lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 40.000.000, Bà T đã trả được 05 tháng = 5.000.000 đồng lãi. Nay ông có đề nghị xem xét mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định. Bị đơn vắng mặt đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên đề nghị giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại điều 227 BLTTDS..

- Về nội dung: Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 40.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về khoản vay: Căn cứ 01 giấy vay tiền viết tay với số tiền giao dịch là 40.000.000 đồng và sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn. HĐXX xác định "Giấy vay tiền" viết tay lập ngày 29/5/2021 số tiền giao dịch giữa các bên là 40.000.000 đồng là có thật, khoản vay này có ghi thời hạn Bà T phải trả nợ là 01 năm, tức ngày trả nợ là 29/5/2022. Các bên thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất. Nên xác định giao dịch vay nợ này là có lãi và có thời hạn. hết thời hạn vay, Bà T không trả được nợ gốc và còn nợ một phần lãi. Ông H có yêu cầu khởi kiện đòi nợ khoản vay trên đối với Bà T là hợp pháp được chấp nhận theo quy định của điều 463, 466, 470 BLDS 2015 và cần buộc Bà T phải trả cho ông H số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất ông H đề nghị theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Xét lãi suất và tiền lãi:

Theo nguyên đơn trình bày, ông có thỏa thuận về mức lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng trên số tiền vay 40.000.000, phía Bà T trình bày ông H cho bà vay số tiền trên với mức lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng trên số tiền vay 40.000.000 đồng. ngoài lời khai của các đương sự thì không bên nào có tài liệu chứng minh mức lãi suất thực đã được áp dụng trong giao dịch này. Xét thấy mức lãi suất các bên trình bày không thống nhất, tại phiên tòa ông H nhất trí tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng mức lãi suất trong hạn theo quy định của pháp

luật quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015 là 10%/năm, tương đương với 0.833%/tháng là phù hợp. Theo đó tiền lãi trong hạn được tính như sau:

Từ 29/5/2021 đến 29/5/2022 là 01 năm *10%/năm = 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày 30/5/2022 là ngày được tính Bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy vay nợ, ông H có yêu cầu giải quyết lãi theo pháp luật nên tiền lãi được tính theo mức lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% mức lãi suất trong hạn tức bằng 15%/năm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/12/2022 lãi suất chuyển sang lãi quá hạn được tính là 06 tháng 27 ngày * 40.000.000 đồng * 15%/năm = 3.450.000 đồng.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn là 4.000.000 đồng + 3.450.000 đồng = 7.450.000 đồng.

Bà T trình bày đã trả lãi đến hết tháng 11/2022 nhưng không có tài liệu để chứng minh việc đã trả nợ lãi đến hết tháng 11/2022. Nên cần chấp nhận trình bày của ông H về việc đã trả lãi của Bà T đến hết tháng 10/2021 với mức 1.000.000 đồng tiền lãi/tháng là có căn cứ. Theo đó số tiền lãi Bà T đã trả ông H được tính là từ 29/5/2021 đến tháng 10/2021 là 05 tháng = 5.000.000 đồng.

Số tiền lãi Bà T phải trả cho ông H được trừ đi số tiền lãi Bà T đã trả là 5.000.000 đồng, do vậy Bà T còn phải trả cho ông H số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 27/12/2022 là **2.450.000** đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi Bà T phải thanh toán trả ông H là: 40.000.000 đồng (gốc) + 2.450.000 đồng (lãi trong hạn + lãi quá hạn) = **42.450.000** đồng.

- Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo pháp luật. Hoàn trả cho Huy số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử**:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho ông H tổng số

tiền cả gốc và lãi đối với khoản vay theo giấy vay lập ngày 29/5/2021 là: **42.450.000** đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc của khoản vay là: 40.000.000 đồng, nợ lãi là 2.450.000 đồng.

- Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **1.122.500** đồng. Hoàn trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0039124 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

- Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng